

Bản án số: 486/2025/HS-PT

Ngày: 03/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đ

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Đình L

Ông Nguyễn Tiến D

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Xuân Th, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Ông Vũ Quang Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 463/2025/TLPT-HS ngày 09 tháng 4 năm 2025 do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2025/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Tuấn Hùng, sinh năm 1980; giới tính: Nam; tên gọi khác: không; nơi ĐKNKTT: Tổ 3, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; nơi ở: P623, Chung cư Lotus, Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Xuân Được, sinh năm 1946 và con bà Ngô Thị Phấn, sinh năm 1954; có vợ là Nguyễn Kim Ly, sinh năm 1995 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 17/4/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên phạt 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Suối Hai - Bộ Công an);

- Ngày 17/01/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (hiện vụ án đang chờ xét xử);

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa (theo lệnh trích xuất của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng theo yêu cầu của bị cáo: Luật sư Nguyễn Danh Huế và Luật sư Nguyễn Hữu Toại - Công ty Luật TNHH Hùng Đông, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án: Luật sư Lưu Hồng Chuyên - Văn phòng Luật sư Lưu và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị hại có kháng cáo: Ông Lê Văn Hoàng, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 45 Hồ Xuân Hương, phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Bùi Văn Minh - Văn phòng Luật sư Nguyên Trang, thuộc Đoàn Luật sư thành Phố Hà Nội; có mặt.

3. Người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, có liên quan đến kháng cáo, được Tòa án triệu tập:

3.1 Bị án Nguyễn Văn Trục, sinh năm 1985; giới tính: Nam; tên gọi khác: không; nơi ĐKNKTT: 458/3 Nguyễn Hữu Thọ, Tổ dân phố 10, khu phố 1, phường Tân Hưng, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: 933/4/4B, tỉnh lộ 10, tổ 73, KP. 8, phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Văn Hai, sinh năm 1956 và con bà Phan Thị Hồng Tiến, sinh năm 1957; có vợ là Võ Lê Anh Thư, sinh 1984 và có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam 14/11/2023; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3.2 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.2.1 Chị Nguyễn Thị Thêm, sinh năm 1981; trú tại: Số 246 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Thêm: Chị Nguyễn Vân Anh, sinh năm 1997 và Trần Khánh Linh sinh năm 2000; cùng địa chỉ: Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị Thêm: Luật sư Lê Văn Cao, Luật sư Trần Thị Hậu và Luật sư Nguyễn Thị Loan – Công ty Luật hợp danh FDVN, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt Luật sư Cao và Luật sư Loan.

3.2.2 Chị Nguyễn Thị Thu Thảo, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 347 Quang Trung, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01 năm 2021, ông Lê Văn Hoàng - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và du lịch Hoàng Sơn (Công ty Hoàng Sơn) có nhu cầu vay 4.600 tỷ đồng (tương đương 200.000.000 USD) của đối tác nước ngoài để đầu tư xây dựng dự án, với điều kiện trong tài khoản ngân hàng của Công ty Hoàng Sơn

phải có số dư bằng số tiền vay (vốn đối ứng). Trường hợp vay được tiền thì sau 03 tháng Công ty sẽ được rút tiền đối ứng trong tài khoản. Do không có vốn đối ứng, nên ông Hoàng có nhu cầu thuê tài chính. Thông qua sự giới thiệu của bạn là anh Nguyễn Thành Đồng, sinh năm 1981 ở quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, ông Lê Văn Hoàng đã liên hệ và gặp bà Nguyễn Thị Thêm - Chủ tịch HĐQT Công ty CP quốc tế T&G, có trụ sở tại tầng 5 SN 352 phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Sau khi biết nhu cầu thuê tài chính của ông Hoàng, bà Thêm đã liên hệ với Nguyễn Thị Thu Thảo - sinh năm 1986 ở SN 379 Quang Trung, tổ 9, phường Thịnh Đán, TP. Thái Nguyên, sau đó Thảo liên hệ với Nguyễn Tuấn Hùng thực hiện chứng minh tài chính cho Công ty Hoàng Sơn, Hùng đồng ý và thỏa thuận chi phí là 4,8 tỷ đồng. Thảo trao đổi lại với Thêm về việc Hùng đồng ý và thỏa thuận với Thêm chi phí là 10 tỷ đồng, trong đó nhận đủ 09 tỷ khi Ngân hàng phát hành Giấy xác nhận số dư trong tài khoản, còn lại 01 tỷ nhận khi Công ty Hoàng Sơn vay được tiền của đối tác. Sau đó Thêm trao đổi lại với ông Hoàng và hai bên thỏa thuận với nhau về việc thuê tài chính, trong đó bà Thêm phải đảm bảo trong tài khoản Công ty Hoàng Sơn mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn có số dư là 200.000.000 USD (tương đương khoảng 4.600 tỷ đồng) và phải được Ngân hàng phát hành Giấy xác nhận số dư tài khoản là số tiền trên, về phía ông Hoàng phải trả chi phí cho bà Thêm là 0,5% giá trị hợp đồng, tương đương 23 tỷ đồng.

Quá trình thực hiện nội dung thỏa thuận, ông Hoàng đã chuyển khoản cho bà Thêm tổng số tiền là 20,5 tỷ đồng, trong đó chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Thêm là 11,5 tỷ đồng vào các ngày 09/02/2021 là 500 triệu đồng (tiền đặt cọc), ngày 01/3/2021 là 10 tỷ đồng, ngày 02/3/2021 là 01 tỷ đồng; chuyển qua tài khoản của Phạm Quỳnh Hoa (cháu ruột Thêm) số tiền 09 tỷ đồng. Sau khi nhận được tiền, Thêm đã chuyển khoản cho Nguyễn Thị Thu Thảo số tiền 4,7 tỷ đồng (vào các ngày 01/3/2021, 02/3/2021 và ngày 03/3/2021); gửi mẫu Giấy xác nhận số dư và chuyển khoản cho Nguyễn Tuấn Hùng số tiền 4,8 tỷ đồng (từ tài khoản của Nguyễn Thị Thêm số 101855835555 Ngân hàng Vietinbank đến tài khoản của Nguyễn Tuấn Hùng số 8123297 Ngân hàng TMCP Á Châu vào các ngày 02/3/2021 là 1,2 tỷ đồng và ngày 03/3/2021 là 3,6 tỷ đồng) để thực hiện việc chứng minh tài chính cho Công ty của ông Hoàng. Ngày 03/3/2021, Thêm nhận 01 Giấy xác nhận số dư tài khoản cho Công ty Hoàng Sơn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn phát hành từ Nguyễn Tuấn Hùng và chuyển lại cho ông Hoàng (BL 811, 834; 876 -> 877, 1002)

Nguyễn Tuấn Hùng được Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Thị Thu Thảo nhờ thực hiện việc chứng minh tài chính cho Công ty Hoàng Sơn, cụ thể là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn phát hành Giấy xác nhận số dư tài khoản (theo mẫu mà Thêm gửi) và phải đảm bảo trong tài khoản Công ty Hoàng Sơn phải có tiền bằng số dư ghi trong Giấy xác nhận với chi phí là 4,8 tỷ

đồng. Sau đó Hùng gửi mẫu và nhờ Nguyễn Văn Trục làm Giấy xác nhận số dư tài khoản, nhưng không yêu cầu Trục phải chuyển số tiền 4.600 tỷ đồng vào tài khoản của ông Lê Văn Hoàng mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn với chi phí 500 triệu đồng. Ngày 01/3/2021, Hùng chuyển 20 triệu đồng tiền đặt cọc (trước đó cùng ngày Hùng nhận 50 triệu đồng đặt cọc từ Thảo) cho Nguyễn Văn Trục. Trục lên mạng thuê một người không quen biết và gửi mẫu làm giả giấy xác nhận số dư tài khoản với chi phí là 20 triệu đồng. Ngày 02/3/2021, Trục gửi cho Hùng hình ảnh giấy xác nhận số dư giả để kiểm tra, sau khi xác nhận là đúng với mẫu đã gửi, Hùng đã chuyển khoản cho Trục số tiền 500 triệu đồng. Cùng ngày Trục nhờ một người lái xe ôm không quen biết đưa cho Hùng 01 Giấy xác nhận số dư tài khoản đề ngày 02/3/2021, được đóng dấu tên Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn xác nhận tài khoản của Công ty Hoàng Sơn có số dư là 4.635.700.000đ, tương đương 200.000.000 USD. Ngày 03/3/2021, Nguyễn Tuấn Hùng nhận đủ số tiền 4,8 tỷ đồng từ Nguyễn Thị Thêm và đưa Giấy xác nhận số dư trên cho Thêm (BL 208 -> 231; 232 -> 239; 256 -> 288; 877, 1002).

Ông Lê Văn Hoàng sau khi nhận được Giấy xác nhận số dư tài khoản từ Thêm, đã làm Công văn đề nghị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn sao kê tài khoản và xác thực việc cấp Giấy xác nhận số dư tài khoản mà bà Thêm đã đưa để làm hồ sơ vay vốn nước ngoài, thì được Ngân hàng trả lời trong tài khoản Công ty Hoàng Sơn không có tiền và không cung cấp Giấy xác nhận số dư tài khoản đề ngày 02/3/2021. Ông Hoàng đã yêu cầu nhưng bà Thêm không trả lại tiền, nên làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy xác nhận số dư mà ông nhận từ Thêm (BL 91 -> 92).

Kết luận giám định số 3357/KL-KTHS ngày 30/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa: Hình dấu giáp lai và hình dấu tròn màu đỏ, nội dung “Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Sài Gòn” ở mẫu cần giám định là hình dấu được làm bằng phương pháp in phun màu (không phải hình dấu đóng trực tiếp); Chữ ký đứng tên Nguyễn Quốc Toàn ở mẫu cần giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Quốc Toàn ở mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra (BL 100)

Ngày 18/8/2022, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn có Công văn số 121/BC-SGN.KT.m xác nhận có phê duyệt mở tài khoản cho Công ty Hoàng Sơn từ ngày 02/3/2021, nhưng tài khoản không hoạt động và khẳng định không phát hành Giấy xác nhận số dư tài khoản số seri:/XNTK (02/03/21), số tham chiếu: 034952830 GXNSD TK ngày 02/03/2021; Công văn số 50/BC-SGN.KT.m ngày 23/01/2024 trả lời về các nội dung: Quy trình thực hiện xác nhận số dư cho khách hàng; Việc thực hiện theo số dư thực có trong tài khoản khách hàng tại thời điểm cụ thể được ghi rõ trong văn bản xác nhận, không phát sinh trường hợp nào tài khoản khách hàng không có số dư nhưng ngân hàng vẫn phát hành Giấy xác nhận số dư (BL 93 -> 94; BL 999)

Ngày 02/11/2022, chị Nguyễn Kim Ly (vợ Nguyễn Tuấn Hùng) giao nộp cho Cơ quan điều tra tờ giấy viết tay đề ngày 04/3/2021 và ngày 09/3/2021, có chữ viết, chữ ký Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Tuấn Hùng thể hiện nội dung ngày 04/3/2021 Hùng vay của Thêm số tiền 4,8 tỷ đồng, ngày 09/3/2021 Hùng đã trả lại đủ số tiền trên cho Thêm (BL 86 -> 86A)

Kết luận giám định số 1124/KL-KTHS ngày 17/3/2023 và số 3488/KL-KTHS ngày 29/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định chữ viết phần nội dung và chữ ký tên Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Tuấn Hùng là do Thêm và Hùng viết và ký ra (BL 89)

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Thị Thu Thảo giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 điện thoại di động (01 điện thoại của Thêm; 01 điện thoại của Thảo) có chứa 03 file ghi âm các cuộc nói chuyện và tin nhắn trao đổi giữa Thêm, Thảo và Hùng về việc thỏa thuận chứng minh tài chính cho ông Hoàng.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã Trưng cầu giám định yêu cầu phục hồi, trích xuất lịch sử cuộc gọi, nội dung tin nhắn và 03 file ghi âm, kết quả:

(1) Kết luận giám định số 8300/KL-KTHS ngày 28/3/2023 và số 1541/KL-KTHS ngày 13/4/2023 và của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (giám định 03 file ghi âm cuộc nói chuyện giữa Thêm và Hùng vào các ngày 26/7/2022, 27/7/2022 và 03/8/2022) thể hiện nội dung: Hùng nói với Thêm khai báo với Cơ quan điều tra là Thêm đưa cho Hùng 4,8 tỷ đồng để Hùng làm giấy xác nhận số dư cho ông Hoàng nhưng Hùng không làm được, đã trả lại tiền cho Thêm và yêu cầu Thêm viết giấy nhận lại tiền từ Hùng thì Hùng sẽ tác động để Cơ quan điều tra chuyển vụ việc thành việc vay mượn dân sự (BL 101 ->134)

(2) Kết luận giám định số 3458/KL-KTHS ngày 28/9/2023 và số 3488/KL-KTHS ngày 29/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa (phục hồi, trích xuất lịch sử cuộc gọi, tin nhắn trong 02 điện thoại di động):

- Tìm thấy 4257 tin nhắn zalo với tài khoản có tên “Mỹ Hầu Vương”, 01 lịch sử cuộc gọi với số điện thoại 0936020868 (trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr của Thảo) được lưu giữ trong 01 đĩa DVD (BL 141)

- Tìm thấy 672 tin nhắn zalo, 11591 tin nhắn WhatsApp với tài khoản “Mr Hùng; Tìm thấy 369 tin nhắn zalo, 1357 tin nhắn WhatsApp với tài khoản “Mr Thảo” được lưu giữ trong 01 đĩa DVD (trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax của Thêm) (BL 142).

Quá trình điều tra, Nguyễn Tuấn Hùng khai biết rõ quy định của Ngân hàng là trong tài khoản phải có tiền mới được cấp giấy xác nhận số dư và nhận thức trong tài khoản của Công ty Hoàng Sơn không có số tiền 4.600 tỷ đồng nhưng Trục vẫn làm được giấy xác nhận số dư tài khoản là không đúng quy định. Về phía Nguyễn Văn Trục khai có nhận của Nguyễn Tuấn Hùng số tiền 520.000.000đ và sử dụng 20.000.000đ để thuê đối tượng không quen biết trên mạng xã hội làm giả 01 Giấy xác nhận số dư tài khoản rồi giao lại cho Hùng. Trục không biết Hùng sử dụng vào mục đích gì và khẳng định Hùng biết rõ giấy xác nhận số dư tài khoản mà Trục đưa là giả.

Như vậy, mặc dù Nguyễn Tuấn Hùng không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng với tài liệu, chứng cứ thu thập được đủ căn cứ xác định Nguyễn Tuấn Hùng biết rõ giấy xác nhận số dư mà Nguyễn Văn Trục đưa là giả nhưng vẫn nhận và đưa lại cho Nguyễn Thị Thêm nói là giấy xác nhận thật để nhận số tiền 4,8 tỷ đồng của ông Lê Văn Hoàng từ Thêm.

Đối với Nguyễn Văn Trục khai nhận hành vi làm giả Giấy xác nhận số dư tài khoản đưa cho Nguyễn Tuấn Hùng và được hưởng lợi số tiền 520.000.000đ, nhưng không biết mục đích sử dụng của Hùng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra.

*** Đối với người liên quan là Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Thị Thu Thảo:**

Nguyễn Thị Thêm mặc dù thỏa thuận với ông Hoàng về việc thuê tài chính nhưng không trực tiếp thực hiện mà thông qua Nguyễn Thị Thu Thảo nhờ Nguyễn Tuấn Hùng. Cả Thêm và Thảo đều chuyển thông tin cho Hùng về việc thực hiện chứng minh tài chính theo đúng nội dung thỏa thuận với ông Hoàng và không biết Giấy xác nhận số dư tài khoản nhận từ Hùng là giả. Xét thấy không có căn cứ chứng minh Thêm và Thảo có thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Thị Thu Thảo là phù hợp.

*** Về bồi thường dân sự**

Nguyễn Thị Thêm nhận của ông Lê Văn Hoàng 20,5 tỷ đồng. Sau khi nhận tiền, Thêm đã chuyển cho Nguyễn Thị Thu Thảo 4,7 tỷ đồng, chuyển cho Nguyễn Tuấn Hùng 4,8 tỷ đồng, còn lại 11 tỷ đồng Thêm sử dụng để chi tiêu cá nhân và đầu tư kinh doanh nhưng bị thua lỗ. Hiện Thêm mới trả lại được cho ông Hoàng số tiền 2,5 tỷ đồng (BL 351->355). Đối với số tiền Thảo nhận của Thêm là 4,7 tỷ đồng, Thảo đã trả lại cho Thêm 100 triệu đồng, còn lại 4,6 tỷ đồng Thảo và ông Hoàng tự thỏa thuận trừ vào khoản tiền ông Hoàng đang nợ Thảo (BL 418; 421 - > 423). Tổng số tiền ông Hoàng yêu cầu bồi thường là 13,4 tỷ đồng.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS-P2 ngày 21/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Tuấn Hùng tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn Trục tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại Quyết định trả hồ sơ số 05/2024/HSST-QĐ ngày 25/7/2024 TAND Tỉnh Thanh Hóa đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung với các nội dung sau:

1. Đối tượng Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Thị Thu Thảo có đồng phạm với bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” hay không?

2. Quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc xác nhận số dư, bảo lãnh cho doanh nghiệp vay tiền ở nước ngoài?

3. Xác định dòng chảy đối với số tiền mà Thêm và Thảo nhận được của ông Hoàng hiện nay đang ở đâu?

Ngày 05/8/2024 VKSND Tỉnh Thanh Hóa đã có công văn số 02 giữ nguyên Cáo trạng số 24/CT-VKS-P3 ngày 21/5/2024 chuyển lại hồ sơ cho TAND tỉnh vì: Các nội dung tại Quyết định trả hồ sơ số 05/2024/HSST ngày 25/7/2024 đã được làm rõ trong quá trình điều tra và được nhận định, đánh giá trong bản kết luận điều tra và Cáo trạng, do đó Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa không có cơ sở trả hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa. Viện KSND Tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Cáo trạng số 24/CT-VTS-P3 ngày 21/5/2024 và chuyển lại hồ sơ cho TAND Tỉnh Thanh Hóa xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 08/10/2024 HĐXX-TAND Tỉnh Thanh Hóa đã ra quyết định số 08/2024/HSST-QĐ trả hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa để điều tra bổ sung về các nội dung:

- Có ai cùng với Thảo và Thêm trong quá trình hứa hẹn làm giấy xác nhận số dư cho ông Hoàng không, ông Hoàng có ký bổ nhiệm Thêm làm giám đốc không, Trục làm giả giấy tờ cho Hùng là do Hùng thuê làm hay thuê chứng minh tài chính, Xác định ý thức chủ quan của Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Thị Thu Thảo về việc làm ‘*giấy xác nhận số dư*’ cho công ty Hoàng Sơn.

Với các nội dung trả hồ sơ trên, Tại Bản kết luận số 254/KLĐT-VPCQCSĐT ngày 29/11/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã: giữ nguyên phần nội dung, diễn biến của vụ án và quyết định tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-P3 ngày 10/12/2024 của VKSND tỉnh Thanh Hóa đã: Truy tố Nguyễn Tuấn Hùng tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS và tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS; truy tố Nguyễn Văn Trục tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức*" quy định tại điểm c khoản 3 Điều 341 BLHS;

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2025/HS-ST ngày 24/02/2025 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 38; Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 154/HSST/2023 ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội buộc Nguyễn Tuấn Hùng phải chấp hành 28 (hai mươi tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/9/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Trục; quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 03/03/2025, bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 07/03/2025, bị hại: ông Lê Văn Hoàng kháng cáo toàn bộ bản án. Nội dung kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì đã bỏ lọt hành vi phạm tội của chị Nguyễn Thị Thêm và chị Nguyễn Thị Thu Thảo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng và bị hại ông Lê Văn Hoàng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án. Cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng nêu căn cứ cho rằng: Các thông tin bị cáo nhắn qua Zalo cho bị cáo Trục là do chị Thảo nhắn cho bị cáo, bị cáo chỉ chuyển tiếp cho Trục; khi Trục nhắn tin cho bị cáo thì bị cáo cũng chuyển tiếp cho chị Thảo; theo đó nội dung nhờ Trục làm xác nhận số dư cho công ty của ông Hoàng là có tiền chạy qua tài khoản. Cơ quan điều tra chỉ thu thập được tin nhắn Zalo theo số điện thoại mới của bị cáo chứ không thu giữ được nội dung Zalo đăng ký theo số cũ nên chưa thể hiện khách quan là bị cáo không lừa chị Thảo, không lừa chị Thêm và ông Hoàng; nội dung tin nhắn qua Zalo bị cáo Trục khẳng định với bị cáo Hùng đó là giấy thật, cho đến khi chị Thêm thông báo cho bị cáo là giấy giả thì bị cáo cũng không biết là giấy thật hay giả. Khi đó chị Thêm yêu cầu trả lại tiền, bị cáo chỉ còn 190 triệu đồng đã chuyển trả cho chị Thêm; bị cáo đã chuyển trả cho Trục 520 triệu đồng nhưng bản án sơ thẩm buộc bị cáo trả lại cả 4,8 tỷ đồng là thiệt thòi cho bị cáo. Khi thỏa thuận với chị Thảo nói rõ là in sao kê để chứng minh tài chính, bị cáo không nhờ Trục làm giả. Vì vậy bị cáo đề nghị xem xét.

Bị hại Lê Văn Hoàng nêu nội dung kháng cáo, cụ thể: Về hình phạt đối với bị cáo Hùng và bị cáo Trục thì ông Hoàng không có ý kiến gì. Để dẫn đến sự việc này ông chỉ biết và làm việc với chị Thêm, không biết Hùng. Do chị Thêm nói có khả năng và đã ba lần làm thành công loại việc này; Thêm nói có chị gái là Phó Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước nên có thể huy động tiền của các doanh nghiệp khác để chuyển vào tài khoản của công ty ông Hoàng trong thời hạn 03 tháng nên ông Hoàng mới đặt cọc 500 triệu đồng; Thêm yêu cầu ông Hoàng mở tài khoản tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Sài Gòn nên mới tin tưởng chuyển tiền cho Thêm; trong thời gian rất ngắn khoảng hơn chục phút Thêm đã rút tiền tôi chuyển để chuyển đến nhiều tài khoản khác nhưng cơ quan điều tra không làm rõ để thu hồi tiền lại cho ông Hoàng là cố tình bỏ lọt tội phạm; đối với các căn nhà do Thêm đứng tên đều đã thế chấp ngân hàng vượt qua giá trị nên không thể thu hồi lại được tiền. Bị hại đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra hành vi của Thêm và Thảo xử lý trách nhiệm hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét hành vi của chị Thêm và chị Thảo; bị cáo đã chuyển cho bị cáo Trục số tiền 520 triệu đồng do chị Thêm chuyển, đề nghị khấu trừ số tiền bị cáo phải bồi hoàn. Bị hại Lê Văn Hoàng kháng cáo yêu cầu xác định hành vi gian dối của chị Thêm và chị Thảo để xử lý hình sự. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại. Kháng cáo của bị cáo và bị hại đều trong thời hạn quy định; đề nghị chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của bị cáo Hùng, bị cáo Trục, của bị hại Hoàng và chị Nguyễn Thị Thêm tại phiên tòa phúc thẩm thấy có đủ cơ sở xác định diễn biến do nhu cầu vay vốn của bị hại Lê Văn Hoàng; mối quan hệ giữa bị hại với chị Thêm, giữa chị Thêm với chị Thảo; giữa chị Thảo nhờ bị cáo Hùng, bị cáo Hùng liên hệ và trao đổi nhờ bị cáo Trục làm giấy xác nhận tài chính theo yêu cầu của ông Hoàng đúng như bản án sơ thẩm đã xác định.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng và kháng cáo của bị hại Lê Văn Hoàng về các nội dung:

Chị Nguyễn Thị Thêm có hành vi giúp ông Hoàng và mối liên quan giữa thêm với Nguyễn Thị Thu Thảo, thấy: Thêm và Thảo không có năng lực để thực hiện chứng minh năng lực tài chính cho ông Hoàng nhưng Thêm, Thảo có nói dối về năng lực của mình nhưng mong muốn thực hiện được công việc đó để lấy tiền công. Thêm có nhờ chị ruột là chị Chi và nhờ Thảo tìm người để thực hiện; Thảo quen biết với Hùng và được Hùng giới thiệu có nhiều mối quan hệ với người làm trong ngành ngân hàng và xác định là làm được cho ông Hoàng. Về chủ quan thì Thêm và Thảo đều tin tưởng Hùng sẽ làm được, có các hành động thực tế nhưng không biết và không có trách nhiệm biết giấy đó là giả. Sau khi có giấy xác nhận từ Hùng chuyển thì Thêm và Thảo mới sử dụng số tiền ông Hoàng chuyển coi như công việc đã hoàn thành. Đây là quan hệ dân sự thông thường, không có dấu hiệu của quan hệ hình sự; điều này đã được Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra nhiều lần nhưng cơ quan Điều tra không có căn cứ xử lý Thêm và Thảo về trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Hùng: Bị cáo không có mối quan hệ với ngân hàng là ông Toàn là Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Vietcombank Sài Gòn nhưng Hùng khi nhắn tin, nói chuyện với Thảo đã sử dụng nhiều thuật ngữ tài chính để tạo nên niềm tin với Thảo; đã yêu cầu ông Hoàng mở tài khoản tại chi nhánh Ngân hàng Vietcombank Sài Gòn; hẹn Thêm và Thảo tại ngân hàng này để từ đó chiếm đoạt tiền. Tại phiên tòa bị cáo xác nhận do tin Trục bình thường sẽ chuyển tiền vào ngân hàng. Thực tế Hùng không đặt vấn đề với bị cáo về việc chứng minh tài chính cho Công ty ông Hoàng mà chỉ làm Giấy xác nhận số dư tài khoản và bị cáo Trục chỉ là công nhân xây dựng, không có mối quan hệ hay khả năng để làm công việc này; Hùng khai giao cho Trục làm Giấy xác nhận số dư nợ với giá 500 triệu đồng không có cơ sở. Vì vậy đối với kháng cáo của bị cáo Hùng và bị hại đề

ngiht khởi tố thêm Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Thị Thu Thảo do bỏ lọt tội phạm là không có cơ sở; cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo Hùng cũng như bị cáo Trưc với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

Đối với việc bị hại yêu cầu thu hồi số tiền 07 tỷ đồng sau khi Thêm nhận tiền từ ông Hoàng, ngày 03/3/2021 vào lúc 21 giờ 09 phút 36 giây đến 21 giờ 11 phút 57 giây, nghĩa là trong vòng hơn 02 phút, Thêm đã có 07 lần chuyển 07 tỷ đồng đến nhiều số tài khoản của Ngân hàng Vietinbank, bị hại cho rằng Cơ quan điều tra không xác minh Thêm chuyển cho ai, mục đích gì. Thấy rằng, việc chị Thêm sau khi nhận chuyển khoản của ông Hoàng, trong vòng hơn 10 phút đã chuyển số tiền đó gửi nhiều khoản tiết kiệm khác nhau sau đó đã rút ra trả nợ và chi tiêu cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, truy thu tài sản trả lại cho ông Hoàng. Nếu sau này phát hiện Thêm có các tài sản khác thì ông Hoàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành bản án. Do vậy tại bản án sơ thẩm đã quy kết hành vi phạm tội đối với Nguyễn Tuấn Hùng là có căn cứ, không oan. Việc khởi tố hình sự cần phải có căn cứ. Nay không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo về việc bỏ lọt tội phạm của bị cáo Hùng và của bị hại Lê Văn Hoàng. Đối với hình phạt áp dụng đối với bị cáo Hùng là phù hợp trong khung hình phạt, không có căn cứ tăng hình phạt đối với bị cáo.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng do gia đình bị cáo mời vắng mặt tại phiên tòa; bị cáo từ chối người bào chữa do Tòa án chỉ định; bị cáo Hùng không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại trình bày quan điểm cho rằng: Có căn cứ xác định cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Thị Thu Thảo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, căn cứ: Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Thị Thảo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; khi ông Hoàng đặt vấn đề Thêm đã hứa hẹn cho ông Hoàng thuê số tiền 200 triệu USD trong thời hạn 01 năm 01 ngày để trong tài khoản tại ngân hàng của ông Hoàng và Ngân hàng sẽ phát hành chứng thư bảo lãnh; Thêm đã đưa ra thông tin gian dối để ông Hoàng tin, đưa tiền rồi chiếm đoạt 20,5 tỷ đồng, cụ thể: 03 lần Thêm điện thoại cho một người phụ nữ nói là chị gái Thêm làm Phó Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thể liên hệ với các Ngân hàng để cho ông Hoàng vay số tiền này; sau Thêm lại nài ra người phụ nữ mà Thêm đã trao đổi trước mặt ông Hoàng là làm được việc này tên là Chi, hiện nay Thêm không còn số điện thoại và không biết chị Chi ở đâu.

Ngoài việc hứa hẹn, ngày 09/02/2021, Thêm đã nhận 500 triệu đồng của ông Hoàng, sau đó Thêm móc nối với Nguyễn Thị Thu Thảo; Thảo lại móc nối với đối tượng Nguyễn Tuấn Hùng để làm giả Giấy xác nhận của Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Sài Gòn ngày 02/03/2021, để chiếm đoạt của ông Hoàng 20,5 tỷ đồng; trong vụ án này Thảo và Thêm không có chức năng, khả

năng để cho ông Hoàng vay số tiền 4.600 tỷ đồng nhưng đã đưa ra các thông tin gian dối, giới thiệu sai về bản thân mình vì số tiền ông Hoàng đưa ra quá lớn nên Thảo và Thêm buộc phải biết Giấy xác nhận của ngân hàng do Hùng đưa là giả để chiếm đoạt tiền của ông Hoàng; Thêm là người được hưởng lợi nhiều nhất 11 tỷ đồng; Thảo đưa mẫu giấy xác nhận cho Hùng để làm giả; Thêm và Thảo biết rất rõ Hùng làm giả tài liệu đó bằng 500 triệu đồng tiền công khi tiền “đặc ruột” trong tài khoản của Công ty ông Hoàng; Cơ quan điều tra không làm rõ Giấy xác nhận của Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Sài Gòn xác nhận của Công ty CP tập đoàn Thái Bình Dương là thật hay giả; không xác định được số tiền 07 đồng sau khi Thêm nhận tiền của ông Hoàng với 07 lần chuyển 07 tỷ đồng trong thời gian ngắn đến nhiều số tài khoản của Ngân hàng Viettinbank mà Thêm đã chuyển cho ai, mục đích gì?

Như vậy Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Thị Thu Thảo có vai trò giống như Hùng. Do đó đủ căn cứ để khởi tố đối với Thêm và Thảo như bản án sơ thẩm đã nhận định; Đề nghị HĐXX xử tăng hình phạt đối với bị cáo Hùng vì bị cáo khai báo quanh co; bị cáo chiếm đoạt 1,5 tỷ đồng nhưng đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên phạt 10 năm tù, nay bị cáo chiếm đoạt 4,8 tỷ đồng nên hình phạt 15 năm là không thỏa đáng. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị Nguyễn Thị Thêm nêu: Ông Lê Văn Hoàng có nhu cầu xác nhận số dư đối với số tiền 4.600 tỷ đồng là rất lớn. Do chị Thêm tin chị Thảo nên chị Thêm cũng mới bị lừa, bản thân chị Thêm không mong muốn chiếm đoạt tiền của ông Hoàng; ngay khi trao đổi chị Thêm đã nói rõ với ông Hoàng là chị Thêm không làm được việc đó mà phải đi tìm nhờ người khác làm giúp. Do đó đây chỉ là quan hệ dân sự. Hành vi của Nguyễn Thị Thêm hoàn toàn ngay tình, không có hành vi gian dối nên không đồng phạm với Nguyễn Tuấn Hùng; Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại đều không có khiếu nại gì về hành vi, về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại đều làm trong thời hạn luật quy định nên đủ điều kiện để được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm; tại phiên tòa không có thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

Tại phiên tòa, các Luật sư bào chữa cho bị cáo do gia đình bị cáo mời vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng; bị cáo từ chối Luật sư do Tòa án chỉ

định và xác định tự mình bào chữa cho kháng cáo của mình; những người tham gia tố tụng đều có mặt khác; (trừ người liên quan chị Nguyễn Thị Thu Thảo có đơn xin vắng mặt). Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng và kháng cáo của bị hại là ông Lê Văn Hoàng:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại bản án sơ thẩm đã xác định: Ông Lê Văn Hoàng là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và du lịch Hoàng Sơn (viết tắt là Công ty Hoàng Sơn) có nhu cầu vay 4.600 tỷ đồng (tương đương 200.000.000 USD) của đối tác nước ngoài để đầu tư xây dựng dự án, với điều kiện trong tài khoản ngân hàng của Công ty Hoàng Sơn phải có số dư bằng số tiền vay (vốn đối ứng). Trường hợp vay được tiền thì sau 03 tháng Công ty sẽ được rút tiền đối ứng trong tài khoản. Do không có vốn đối ứng, nên ông Hoàng có nhu cầu thuê tài chính. Thông qua sự giới thiệu của bạn bè ông Hoàng đã gặp Nguyễn Thị Thêm - lúc này là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế T&G, có trụ sở tại tầng 5, số nhà 352 phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Thêm đồng ý giúp ông Hoàng và giới thiệu cho ông Hoàng biết bản thân có thể làm được việc này vì có nhiều mối quan hệ với ngân hàng, có thể huy động được tiền để cho thuê như yêu cầu của ông Hoàng

Sau đó Nguyễn Thị Thêm đã liên hệ với Nguyễn Thị Thu Thảo nói rõ mục đích của ông Hoàng. Thảo liên hệ với Nguyễn Tuấn Hùng để thực hiện việc chứng minh tài chính cho Công ty Hoàng Sơn; Hùng đồng ý và thỏa thuận chi phí là 4,8 tỷ đồng. Thảo trao đổi lại với Thêm về việc Hùng đồng ý và thỏa thuận với Thêm chi phí là 10 tỷ đồng, trong đó nhận đủ 09 tỷ đồng khi Ngân hàng phát hành Giấy xác nhận số dư trong tài khoản, còn lại 01 tỷ đồng nhận khi Công ty Hoàng Sơn vay được tiền của đối tác. Ông Hoàng hoàn toàn đồng ý và giữa ông Hoàng, Nguyễn Thị Thêm thỏa thuận: Thêm phải đảm bảo trong tài khoản Công ty Hoàng Sơn mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn có số dư là 200.000.000 USD (tương đương khoảng 4.600 tỷ đồng) và phải được Ngân hàng phát hành Giấy xác nhận số dư tài khoản là số tiền trên, về phía ông Hoàng phải trả chi phí cho Thêm là 0,5% giá trị hợp đồng, tương đương 23 tỷ đồng.

Quá trình thực hiện nội dung thỏa thuận, ông Hoàng đã chuyển khoản cho Thêm nhiều lần bằng 20,5 tỷ đồng. Sau khi nhận được tiền, Thêm đã chuyển khoản cho Nguyễn Thị Thu Thảo 4,7 tỷ đồng; chuyển khoản cho Nguyễn Tuấn Hùng 4,8 tỷ đồng;

Sau khi nhận lời Thêm, Thảo thì Nguyễn Tuấn Hùng đã thuê Nguyễn Văn Trục với số tiền 520 triệu đồng để làm giả “giấy xác nhận số dư” thể hiện ở việc Hùng gửi cho Trục mẫu giấy, yêu cầu Trục làm giống như mẫu, mẫu giấy này Hùng khai được nhận từ Thêm do Thảo gửi.

Tuy nhiên, khi làm xong giấy, Trục đưa cho Hùng, Hùng đưa cho Thêm để Thêm đưa cho ông Hoàng thì qua xác định của Ngân hàng và giám định của cơ quan chức năng, giấy này là giấy giả.

Vì vậy, tại bản án sơ thẩm đã xác định Nguyễn Tuấn Hùng biết rõ ông Hoàng cần là số tiền 4600 tỷ có thật trong tài khoản của Công ty Hoàng Sơn và phải được thể hiện tại giấy xác nhận số dư do Ngân hàng phát hành. Nhưng Hùng không có động thái nào trực tiếp huy động tiền, hoặc thuê tiền của người khác để chuyển vào tài khoản của ông Hoàng 4600 tỷ đồng và Hùng biết rõ khả năng của mình không làm được việc này nhưng vẫn nhận lời với chị Thảo và chị Thêm, tạo lòng tin cho Thêm khi tự cho rằng bản thân làm nhiều việc liên quan đến tài chính ngân hàng, để thông qua Thêm chiếm đoạt số tiền 4,8 tỷ đồng của ông Hoàng bằng việc thuê Trục số tiền 520 triệu đồng để làm giả tờ giấy xác nhận số dư như mẫu mà Thêm đưa lại.

Trục không tự làm được mà lại tiếp tục thuê một người trên mạng xã hội để làm tờ giấy này với giá 20 triệu đồng, Trục thừa nhận chỉ làm 1 tờ y hệt như mẫu mà Hùng chuyển cho chứ không biết gì đến nội dung của giấy.

Do đó đã xác định: Nguyễn Tuấn Hùng đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của BLHS và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn Trục phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm Nguyễn Tuấn Hùng kêu oan cho rằng Hùng không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” cũng như không phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Theo Hùng, Hùng nhận lời với Thêm và Thảo để đi thuê tài chính cho ông Hoàng và Hùng đã làm bằng cách thuê lại Nguyễn Văn Trục để Trục chuyển số tiền 4600 tỷ đồng vào tài khoản của ông Hoàng, việc Trục cung cấp “giấy xác nhận số dư” Hùng không biết giấy này là giả. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Tuấn Hùng xác nhận bị cáo đã tốt nghiệp Đại học kinh tế quốc dân, đã từng là Tổng giám đốc của Công ty cổ phần tập đoàn Tân Hoàng Nam, bị cáo là người có hiểu biết và nhận thức về kiến thức tài chính, ngân hàng, thể hiện trong các tin nhắn với Nguyễn Thị Thêm ở các tin nhắn, cuộc điện thoại đã thể hiện điều đó. Bị cáo nhận thức được bản chất “cho thuê tài chính”, “giấy xác nhận số dư” là như thế nào. Trong quá trình liên lạc với Thêm, Thảo bị cáo Hùng nhiều lần dùng các khái niệm “ruột đặc”, “chạy qua tài khoản”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác nhận đã tính toán nếu huy động số tiền đó trong tài khoản thì tiền lãi 01 ngày là 4,6 tỷ đồng; vì vậy bị cáo yêu cầu chi phí là 4,8 tỷ đồng để bị cáo được hưởng lợi tiền công là 200 triệu đồng. Như vậy, với thông tin này thì Hùng đã làm cho chị Thảo và chị Thêm tin rằng số tiền Hùng nhận lời làm xác minh tài chính theo yêu cầu là có thật tại ngân hàng. Bị cáo thừa nhận quen Trục và biết Trục chỉ là người lao động bình thường, vì vậy đối với số lượng tiền rất lớn cần huy động thì các bị cáo đều không có khả năng thực hiện; đây là hành vi gian dối của Hùng đối với chị Thảo cũng như chị Thêm. Do đó, tại bản án sơ thẩm đã quy kết bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt

tài sản” là không oan. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận bị cáo đã nhận số tiền 4,8 tỷ đồng từ chị Thêm thì bị cáo là người phải chịu trách nhiệm, việc bị cáo thuê bị cáo Trực làm giấy xác nhận để đưa cho chị Thêm, chị Thảo là giấy giả thì bị cáo chịu trách nhiệm và mong được sớm đi chấp hành án. Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác nhận trước đó không quen biết chị Nguyễn Thị Thêm; chỉ quen biết chị Nguyễn Thị Thu Thảo thông qua các mối quan hệ xã hội; chỉ khi bị cáo hẹn chị Thảo và chị Thêm gặp tại Chi nhánh ngân hàng Vietcombank Sài Gòn thì mới quen chị Thêm; các thỏa thuận ban đầu bị cáo đều thực hiện với chị Thảo.

Về phía ông Lê Văn Hoàng, tại phiên tòa phúc thẩm cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới. Ông Hoàng khai thừa nhận khi được người quen giới thiệu Nguyễn Thị Thêm thì chính người giới thiệu nói rằng Thêm có khả năng giúp được ông Hoàng vì trước đây Thêm đã 03 lần giúp cho công ty khác được việc; ngoài lời nói này thì người giới thiệu chị Thêm với ông Hoàng hoặc chị Thêm cũng không xuất trình tài liệu nào thể hiện về các việc trước đây chị Thêm đã thực hiện được để tạo lòng tin cho ông Hoàng. Quá trình gặp gỡ thì chị Thêm có gọi điện cho chị gái chị Thêm làm ở Ngân hàng Nhà nước, ông Hoàng khai quá trình nói chuyện có đề cập đến việc học hành của các con cái của chị gái chị Thêm, không có nội dung trao đổi về công việc hoặc hứa hẹn giúp cho công việc của ông Hoàng. Ông Hoàng còn khai nhận chính chị Thêm nói một mình chị không làm được việc đó mà phải đi nhờ người khác; thực tế Thêm đã nhờ Thảo tìm người làm giúp cho ông Hoàng để hưởng chênh lệch như nội dung bản án sơ thẩm đã xác định. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần trả hồ sơ để làm rõ vấn đề này nhưng cơ quan điều tra, truy tố không có căn cứ để làm rõ. Do vậy, nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng và nội dung kháng cáo của ông Lê Văn Hoàng về vấn đề này đều không có cơ sở chấp nhận do đó chưa có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm.

Đối với hành vi Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức: Bị cáo chưa từng nhìn thấy, chưa từng làm việc trực tiếp với Trực để có thể khẳng định Trực có khả năng huy động được số tiền 4.600 tỷ đồng, những lời khai của bị cáo về việc biết Trực cho thuê tài chính đều đơn phương từ một phía và không có tài liệu chứng minh; Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trực không thừa nhận lời khai của bị cáo Hùng và không kháng cáo hành vi bị quy kết tại bản án sơ thẩm.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị Thêm và Nguyễn Thị Thu Thảo; tại bản án sơ thẩm đã nhận định: “...là những người nhận thức đúng và rõ mục đích thuê tài chính của ông Hoàng... là số tiền 4.600 tỷ phải có thật trong tài khoản của công ty Hoàng Sơn, được thể hiện bằng xác nhận của Ngân hàng, trên cơ sở văn bản (giấy xác nhận số dư) của Ngân hàng nơi Công ty Hoàng Sơn mở tài khoản, Thêm và Thảo đều chắc chắn biết bản thân mình không làm được việc này nhưng vì chi phí mà ông Hoàng đưa ra là quá lớn nên Thêm và Thảo đã nhận lời rồi tìm cách thực hiện. Bản thân Thêm và Thảo chưa bao giờ là những người làm công việc này cũng không đủ khả năng và không có mối quan hệ nhưng vẫn đưa các thông

tin gian dối đến ông Hoàng để ông Hoàng đưa tiền.”... Do đó đã “kiến nghị tiếp tục mở rộng điều tra xác minh, củng cố các chứng cứ liên quan làm rõ vai trò của Thêm và Thảo trong vụ án này để tránh bỏ lọt tội phạm” là cần thiết. Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung kiến nghị này.

[2.2] Tại bản án sơ thẩm đã đánh giá: Vụ án có tính chất nghiêm trọng và rất nghiêm trọng. Chỉ vì lợi ích cá nhân mà Nguyễn Tuấn Hùng đã đưa ra các thông tin không có thật để thực hiện một loạt các hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt một số tiền lớn. Hành vi nọ thực hiện giúp sức hỗ trợ cho hành vi kia nhằm đạt được mục đích của mình. Hùng đã thuê Trục làm giả tài liệu và đã sử dụng tài liệu này nhằm chiếm đoạt tài sản của ông Hoàng. Khi quyết định hình phạt đã xét đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo; tuy bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng không thừa nhận hành vi phạm tội nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo có nhân thân xấu nên hình phạt đã áp dụng 15 năm tù đối với bị cáo là đã xem xét và phù hợp; nay bị cáo không xin giảm nhẹ hình phạt, người bị hại không kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo Hùng nên không xét.

Về nội dung bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng cho rằng bị cáo đã chuyển cho bị cáo Nguyễn Văn Trục số tiền 520 triệu đồng, chuyển trả chị Thêm 190 triệu đồng trong số tiền 4.600 tỷ đồng đã chiếm đoạt của ông Hoàng nhưng bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Hoàng cả 4.600 tỷ đồng là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác nhận bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của ông Hoàng là đúng nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung này.

Đối với Nguyễn Văn Trục bị cáo không kháng cáo; tại phiên tòa bị cáo có nêu đề nghị về khoản tiền bị truy thu và xin giảm hình phạt. Sau khi xét hỏi bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại là ông Lê Văn Hoàng; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2025/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng, cụ thể như sau:

Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 38; Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn Hùng**: 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 154/HSST/2023 ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội buộc Nguyễn Tuấn Hùng phải chấp hành 28 (hai tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/9/2022.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tuấn Hùng phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại ông Lê Văn Hoàng không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo Hùng, Trục (qua TTG CA tỉnh Thanh Hóa);
- Người tham gia tố tụng khác (theo đ/c);
- Lưu HSVA; P.HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Đông

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng

Đặng Đình Lực

Nguyễn Vũ Đông